

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **414/2018/HSPT**

Ngày: 28-12-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Đức.

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Nguyễn Văn Bằng.

2. Bà Nguyễn Thị Hằng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:***  
Ông Dương Văn Đức - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 390/2018/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018, do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2018/HS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

***1. Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: **Trần Thị S**, sinh năm 1966, tại tỉnh Q; nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 8/12; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); có chồng là Mạc Văn T, có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện được tại ngoại, có mặt.

***2. Người bị hại có kháng cáo:*** Ông Nguyễn Tấn N, sinh năm 1955.

Trú tại: Tổ dân phố S, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị S là người giúp việc cho Doanh nghiệp tư nhân xe máy N do ông Nguyễn Tấn N làm chủ. Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 30/4/2018 như

thường lệ Trần Thị S đi xe máy biển số 47F2-xxxx đến Doanh nghiệp tư nhân xe máy N để dọn dẹp phòng riêng của ông Nguyễn Tấn N thì phát hiện 01 túi nilon màu đen buộc hai đầu để trên bàn là quần áo, mở ra xem thì thấy có tiền nên nảy sinh ý định trộm cắp, S lấy tiền cất vào khu vực nhà bếp, sau đó đem về nhà cất giấu sau vườn nhà mình. Ngày 02/5/2018, ông N làm đơn trình báo công an huyện Krông Pắc. Ngày 03/5/2018 Cơ quan điều tra công an huyện Krông Pắc triệu tập lên làm việc thì S thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp số tiền trong bọc nilon màu đen với tổng số tiền là 116.300.000 đồng tiền mặt và giao nộp toàn bộ số tiền nói trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Pắc.

Tại bản kết luận giám định số 450/PC54 ngày 10/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: 1.652 tờ bạc Việt Nam gửi đến giám định (gồm các mệnh giá 500.000, 200.000, 100.000, 50.000, 10.000) là do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành (tiền thật).

**Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2018/HSST ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, quyết định:**

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Thị S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị S 02 năm 03 tháng tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/10/2018 bị cáo Trần Thị S và người bị hại Nguyễn Tấn N kháng cáo: Bị cáo S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; người bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm cũng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Xét mức hình phạt 02 năm 03 tháng tù mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là thỏa đáng. Tuy nhiên xét thấy không cần thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt. Bởi vì, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền cho

người bị hại nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thiếu sót, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là em ruột của liệt sỹ, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo làm thuê và đang nuôi con nhỏ, nhân thân bị cáo tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị S và người bị hại Nguyễn Tấn N. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2018/HSST ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị S 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo Trần Thị S không tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp lý để xác định: Vào ngày 30/4/2018, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Nguyễn Tấn N, Trần Thị S đã lén lút trộm cắp của ông N số tiền 116.300.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Trần Thị S và người bị hại Nguyễn Tấn N, thì thấy: Mức hình phạt 02 năm 03 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với mức độ, hậu quả mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, việc bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là không cần thiết. Bởi lẽ, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng đó là: Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ số tiền cho người bị hại, đây là tình tiết “Bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình

sự, hơn nữa bị cáo có anh ruột là liệt sỹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng là thiếu sót, nên cấp phúc thẩm cần áp dụng cho bị cáo. Như vậy bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ “ Khắc phục hậu quả”, “Thật thà khai báo”, “Ăn năn hối cải” quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ “Người bị hại bãi nại, kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo” và hiện nay người bị hại vẫn nhận bị cáo tiếp tục làm thuê cho gia đình người bị hại; “Bị cáo có anh ruột là liệt sỹ”; “Hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo làm thuê và trực tiếp nuôi các con còn nhỏ đang ăn học” được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bị cáo Trần Thị S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị S và người bị hại Nguyễn Tấn N.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2018/HSST ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị S 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị S cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách

nhệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Án phí: Bị cáo Trần Thị S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- Cục T.H.A DS tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A HS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện Krông Pắc;
- Chi cục T.H.A DS huyện K;
- Cơ quan T.H.A HS CA huyện Krông Pắc;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- UBND thị trấn P.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Tấn Đức**